

Số: 185/2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3506/TTr-STP ngày 30 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025

và thay thế các Quyết định: số 02/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) quy định công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương; số 07/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- Đoàn ĐBQH tại Hải Phòng;
- UBMTTQVN TP;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo thành phố;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc VP UBND TP;
- Lưu: VT, NC, N.T.Dung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu



QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 185/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn thành phố.
- Người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền lập biên bản.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả.
- Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối phối hợp và các cơ quan có liên quan.

Điều 4. Các hoạt động phối hợp

- Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; kiểm tra đột xuất, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Giải quyết, kiểm tra hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức.

Điều 5. Các hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức các hoạt động liên ngành; sơ kết, tổng kết.

3. Biên soạn tài liệu; tổ chức tọa đàm, hội nghị, tập huấn.

4. Qua ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống quản lý dữ liệu trực tuyến.

5. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP CỤ THỂ

Mục 1

PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực, địa bàn quản lý chủ trì, phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định;

b) Triển khai, tổ chức thực hiện và theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn hoặc gửi kiến nghị đến Sở Tư

pháp để tổng hợp, báo cáo;

c) Các sở, ban, ngành kịp thời xử lý các kiến nghị, đề xuất liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật xử lý vi phạm hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực quản lý trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật;

d) Sơ kết, tổng kết việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sở Tư pháp:

a) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã về những vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố.

Điều 7. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Nội dung phối hợp:

a) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính;

c) Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến pháp luật; tập huấn chuyên sâu và tập huấn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

3. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính; điều phối lực lượng Báo cáo viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 8. Phối hợp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp cùng Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hằng năm theo quy định;

b) Cử cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương gửi đến Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp và phối hợp tổ chức thực hiện.

2. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của thành phố trước ngày 15 tháng 3 hằng năm;

b) Căn cứ Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hằng năm của thành phố, xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định kiểm tra; trong đó, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành với sự tham gia của đại diện một số cơ quan, địa phương có liên quan;

c) Tham mưu, giúp Đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức triển khai Quyết định kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định;

d) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị được kiểm tra thực hiện việc báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện hoạt động quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của đơn vị phục vụ công tác kiểm tra.

3. Cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố cử cán bộ, công chức thuộc cơ quan tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập theo đề nghị của Sở Tư pháp.

4. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra:

a) Phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện nhiệm vụ trong quá

trình kiểm tra;

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra;

c) Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành trong kết luận kiểm tra;

d) Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra.

Điều 9. Tiếp nhận xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; phối hợp kiểm tra đột xuất, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Phối hợp kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Căn cứ kiểm tra: Theo chỉ đạo của Thủ tướng; khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cá nhân, tổ chức hoặc có phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa chính xác, có dấu hiệu xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; khi phát hiện vướng mắc hoặc dấu hiệu vi phạm trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ, tài liệu do cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính gửi đến hoặc đang được lưu trữ, bảo quản theo quy định hoặc qua theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

b) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và tổ chức triển khai Quyết định kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Thanh tra thành phố, cơ quan thanh tra khác trên địa bàn thành phố tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức hoặc theo kế hoạch hoặc vụ việc khác được giao;

b) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan thanh tra.

Điều 10. Phối hợp thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của thành phố theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo định kỳ hằng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp báo cáo như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp chậm nhất vào ngày 17 tháng 12 của kỳ báo cáo;

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, dự thảo Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố; gửi dự thảo báo cáo đến Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo để gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

Mục 2

PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT, KIỂM TRA HỒ SƠ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CÓ NỘI DUNG PHỨC TẠP, PHẠM VI RỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NHIỀU CÁ NHÂN, TỔ CHỨC

Điều 11. Phối hợp giải quyết, kiểm tra hồ sơ vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện vi phạm hành chính kịp thời lập Biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản; trường hợp biên bản được lập tại vùng sâu, vùng

xa, biên giới, miền núi, hải đảo mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn báo cáo không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản và tiếp tục thụ lý, chỉ đạo giải quyết hồ sơ;

b) Thiết lập hồ sơ đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (*được giao quyền*) ban hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính phải gửi hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Sở Tư pháp để kiểm tra, đánh giá;

c) Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp, kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (*được giao quyền*) ban hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo thời hạn, quy định pháp luật;

d) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt do mình tham mưu ban hành và thông báo kết quả thi hành xong quyết định gửi Sở Tư pháp.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b) Gửi Sở Tư pháp quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (*được giao quyền*) ban hành để tổng hợp, theo dõi.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã thiết lập;

b) Tổng hợp, theo dõi thực hiện các quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, đánh giá bao gồm:

a) Công văn đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong đó nêu rõ quan điểm giải quyết vụ việc;

b) Dự thảo quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính;

c) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính (bản sao) đã được đánh bút lục và danh mục các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ.

5. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (*được giao quyền*) bao gồm:

a) Tờ trình trong đó nêu rõ căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt; đối tượng,

hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đề xuất áp dụng; nội dung giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Sở Tư pháp (nếu có);

b) Dự thảo quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính;

c) Văn bản kiểm tra, đánh giá của Sở Tư pháp;

d) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính (bản gốc) đã được đánh bút lục và danh mục các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ.

Điều 12. Phối hợp kiểm tra các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác

1. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác cần phối hợp kiểm tra là hồ sơ thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bao gồm:

a) Hồ sơ Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo phối hợp với Sở Tư pháp để giải quyết;

b) Hồ sơ có khó khăn, vướng mắc cần xin ý kiến:

Hồ sơ bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; biện pháp khắc phục hậu quả và thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14;

Hồ sơ liên quan đến hai ngành, lĩnh vực trở lên (ngành, lĩnh vực được xác định theo tên gọi của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính, nếu không xác định được theo tên gọi thì mỗi Nghị định xử phạt vi phạm hành chính được xác định là một ngành, lĩnh vực) hoặc địa bàn từ hai đơn vị cấp xã trở lên.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản nêu rõ khó khăn, vướng mắc, phương hướng giải quyết và tập hợp đầy đủ hồ sơ, tài liệu gửi Sở Tư pháp để kiểm tra, tham gia ý kiến đối với hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Tư pháp kiểm tra, tham gia ý kiến đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này sau khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách nhà nước đảm bảo và từ các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có); theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

và Bộ Tư pháp.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế và theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này thuộc phạm vi, địa bàn quản lý; phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố.

4. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên; mọi công dân giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính gửi yêu cầu, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật./.

